TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Ông Mai Khắc Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/03/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2026/QĐST-DS ngày 23/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị Thu T**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Tổ A, ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Quang T1**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ C, ấp G, xã G, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 01 năm 2026, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - Chị Hoàng Thị Thu T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh T1 tự nguyện yêu thương, tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết

hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã G, tỉnh Đồng Nai) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 07/11/2016.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về sinh sống tại gia đình anh T1 tại xã G. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 có nhiều mối quan hệ bạn bè nên thường xuyên ăn nhậu, say sỉn. Tiền mà anh T1 làm ra, anh T1 tiêu dùng cho cá nhân hết. Anh T1 không biết lo cho gia đình, vợ con. Những lúc say sỉn, do không làm chủ được lời nói và hành vi nên đã xúc phạm đến chị T và có xảy ra xô sát nhưng không để lại thương tích. Đỉnh điểm mâu thuẫn là vào cuối năm 2020. Anh T1 không lo làm ăn mà lại chơi bời cùng bạn bè nên hai vợ chồng đã cãi nhau và chị T đưa con gái về nhà bà ngoại sinh sống tại Đ. Sau đó, anh T1 đến nhà mẹ ruột chị T quậy phá và còn đánh chị T, tuy nhiên đã được gia đình phía nhà chị T can ngăn. Trong quá trình sống ly thân, anh T1 cũng không liên lạc hỏi han đến vợ con và cũng không chu cấp tiền cho chị T nuôi con. Hiện nay, chị T nhận thấy tình cảm đã hết và không thể hàn gắn, hòa giải được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị Thu T và anh Đinh Quang T1 chung sống có 01 con chung là cháu Đinh Hoàng Anh T2, sinh ngày: 25/04/2018.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2 và chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và chị Hoàng Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Đinh Quang T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị Thu T và anh Đinh Quang T1 được ly hôn.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh T1 hiện đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ số A, ấp G, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - chị Hoàng Thị Thu T có yêu cầu ly hôn với bị đơn – anh Đinh Quang T1. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*.

[1.3] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Hoàng Thị Thu T là nguyên đơn, anh Đinh Quang T1 là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 13/02/2026, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, thông báo cho anh T1 biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh T1 tiếp tục vắng mặt lần thứ 02 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Hoàng Thị Thu T và anh Đinh Quang T1 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND xã G, tỉnh Đồng Nai) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 171 ngày 07/11/2016. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị T và anh T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua trình bày của đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung

của vợ chồng chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra sự bất hòa, đôi khi còn xảy ra xô sát. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T1 thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình với chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Chị T cho rằng anh T1 chỉ biết lo cho bản thân mình, hay nóng tính nên dẫn đến xô sát và hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình sống ly thân, cả hai vợ chồng cũng không quan tâm, hỏi thăm đến nhau và anh T1 cũng không hỗ trợ kinh tế để chị T nuôi con chung. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1 đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị T nhưng anh T1 không hợp tác. Điều đó cho thấy anh T1 không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị T để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 28/01/2026, địa phương cho biết: *" ... Hiện nay anh T1 và chị T không còn sống chung với nhau nữa".*

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh T1 chung sống có 01 con chung là cháu Đinh Hoàng Anh T2, sinh ngày: 25/04/2018.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T2. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị T. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Hoàng Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai: Về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Hoàng Thị Thu T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị Thu T và anh Đinh Quang T1 được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Đinh Hoàng Anh T2, sinh ngày: 25/04/2018 cho chị Hoàng Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Đinh Quang T1 được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Đinh Quang T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Hoàng Thị Thu T không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị Thu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0000551 ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị Hoàng Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Phòng THADS khu vực 4 – Đồng Nai;
- UBND xã Gia Kiệm (Trước là UBND xã Gia Tân 3), tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 171/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh